

ĐẤT NƯỚC - NHÂN VẬT

TẦM NHÌN VỀ THẮT SƠN: MỘT MÔ HÌNH HAI TÁC DỤNG

Vĩnh Thông*

1. Đặt vấn đề

Trong công cuộc khai phá Nam Bộ của người Việt, vùng đồi núi Thất Sơn - An Giang luôn được xem là “đất dữ”, cực kỳ khó khăn để chinh phục. Ấy vậy mà việc khai phá Thất Sơn lại khởi đầu và có hiệu quả từ hoạt động của một tôn giáo thông qua nhãn quan sâu sắc của vị giáo chủ. Đó chính là đạo Bửu Sơn Kỳ Hương của Đức Phật Thầy Tây An Đoàn Minh Huyền.

Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương là tôn giáo nội sinh đầu tiên ở Nam Kỳ, ra đời năm 1849. Người sáng lập là ông Đoàn Văn Huyền (1807 - 1856), sau xuất gia với pháp danh Minh Huyền - Pháp Tạng theo bài kệ truyền thừa của chi phái Lâm Tế dòng đạo Bồn Nguơn, nên người đời sau gọi là Đoàn Minh Huyền, tôn xưng là Đức Phật Thầy Tây An. Khoảng năm 1847 - 1849, quanh vùng Hậu Giang xảy ra dịch bệnh, ông đi nhiều nơi trị bệnh và khuyên mọi người tu hành. Bị triều đình nghi là “gian đạo sĩ”, họ buộc ông đến chùa Tây An (Núi Sam - nay thuộc thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang) xuất gia. Tại đây, ông tiếp tục trị bệnh và phổ truyền giáo lý.

Đạo của ông dạy Tứ ân: ân tổ tiên cha mẹ, ân đất nước, ân Tam bảo, ân đồng bào nhân loại. Tu hành không trọng hình thức, không tụng kinh, không bài trí hình tượng mà chỉ thờ trần điều (tám vải đỏ) tượng trưng vô vi thanh tịnh. Tín đồ là cư sĩ tại gia, có thể lập gia đình, vừa làm ăn vừa tu hành. Chủ trương của ông không ngồi chờ đắc đạo mà phải làm lụng phục vụ cuộc sống, không xuất thế mà nhập thế.

Giáo chủ đạo Bửu Sơn Kỳ Hương là một trong số ít ỏi những người đầu tiên có tầm nhìn sâu rộng về giá trị của Thất Sơn. Ông đã cùng tín đồ của mình tổ chức cuộc khai khẩn với quy mô lớn đầu tiên trên vùng đất này, lập thành làng xóm và quy tụ dân cư đến sinh sống đông đúc. Trong bối cảnh thế kỷ XIX, đất An Giang còn là nơi hoang hóa, vị tu sĩ họ Đoàn đã không chỉ thể hiện vai trò là nhà truyền giáo có sức ảnh hưởng lớn về mặt tinh thần, mà còn là nhà dinh điền có đôi mắt nhạy bén, có khả năng tổ chức công tác khẩn hoang bằng một mô hình đặc biệt mang lại hai tác dụng lớn.

* An Giang.

2. Tầm nhìn về vùng Thất Sơn

Thất Sơn là vùng đất bán sơn địa, địa hình đồi núi lỏm chỏm xen giữa đồng bằng, ngày nay nằm trên địa bàn hai huyện Tịnh Biên và Tri Tôn của tỉnh An Giang. Gọi là Thất Sơn nhưng kỳ thực có đến hàng chục ngọn. Con số bảy chỉ là biểu trưng mang tính tâm linh và đến nay các nhà nghiên cứu vẫn còn tranh luận với nhiều lý giải khác nhau. Tuy nhiên, trong tâm thức dân gian Nam Bộ, bảy ngọn núi thiêng được mặc định là Núi Két (Anh Vũ Sơn), núi Dài Năm Giếng (Ngũ Hồ Sơn), Núi Cẩm (Thiên Cẩm Sơn), Núi Dài (Ngọa Long Sơn), Núi Tô (Phụng Hoàng Sơn), Núi Tượng (Liên Hoa Sơn) và Núi Nước (Thủy Đài Sơn).



Đường vào vùng Thất Sơn (trái) và Núi Két hiện nay. Ảnh: Vĩnh Thông.

Ngày nay, Thất Sơn là vùng có nhiều tiềm năng phát triển. Nơi đây có nguồn khoáng sản dồi dào, hệ động thực vật phong phú với nhiều loài quý, nhiều dược thảo giá trị. Ngoài khai thác tự nhiên, người dân vùng Bảy Núi còn trồng lúa ruộng trên (lúa khô ở ruộng chân núi) với nhiều loại gạo ngon, trồng cây ăn quả buôn bán khắp đồng bằng. Đặc biệt, thế mạnh hàng đầu của nơi đây là du lịch, mỗi năm thu hút hàng triệu lượt khách, một phần vì là vùng núi hiểm hoi ở châu thổ đồng bằng sông Cửu Long, một phần vì các tôn giáo bản địa đã khoắc lên cho Thất Sơn lớp áo huyền bí để trở thành “linh địa” xứ Nam Kỳ.

Tuy nhiên, đó chỉ là những thế mạnh hiện nay. Trở lại bối cảnh thế kỷ XVIII - XIX, trong quá trình lưu dân vào Nam khai phá, vùng đất An Giang không phải là lựa chọn ưu tiên của họ. Bởi An Giang có hai địa hình chính: một là đồng bằng trũng thấp (nê địa) ngập nước khó canh tác, hai là vùng bán sơn địa rừng thiêng nước độc cũng không là nơi thích hợp lập nghiệp. Trong khi đó, khu vực hạ châu thổ Cửu Long như Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long... đất đai màu mỡ, trồng lúa hay cây trái đều hiệu quả, những lưu dân đến sớm đã chọn vùng này. Những lưu dân đến trễ hơn, đành phải dạt về những vùng khó khăn như An Giang.

Nhưng đặc biệt, hiếm ai dám bén mảng đến Thất Sơn. Mãi đến nửa cuối thế kỷ XIX, Thất Sơn vẫn là vùng lam sơn chướng khí. Thiên nhiên không ưu đãi con

người khi mọi phương diện trong đời sống sinh hoạt đều rất khó khăn: hạn hán, thiếu nước, thiếu lương thực, thú dữ... Đây cũng là khu vực biên giới, nhiều lần bị quân Xiêm tấn công vào thời chúa Nguyễn và đầu triều Nguyễn, nhìn chung tình hình rất bất ổn. Người đến Thất Sơn buổi ấy đa phần là những hạng người cá biệt: tù phạm thi hành án đầy ra biên ải, cao nhân ẩn sĩ lánh đời, lục lâm thảo khấu chọn làm bản doanh để xưng hùng xưng bá...

Vì vậy, đưa người nông dân đến khẩn hoang Thất Sơn trong hoàn cảnh đó là việc làm táo bạo. Việc làm ấy lại bắt nguồn từ tôn giáo. Dưới lá cờ tôn giáo, ông đạo Đoàn Minh Huyền rao giảng thuyết Tận thế, vùng Thất Sơn là thánh địa tổ chức hội Long Hoa để lập đời mới Thượng nguyên, kêu gọi tín đồ quy tụ về thánh địa sinh sống và tu hành chờ ngày “đổi đời”. Không chỉ truyền bá lời tiên tri như thế, ông còn cụ thể hóa thông qua hành động thực tế. Năm 1851, ông cùng các đệ tử đến khai phá dưới chân Núi Két, biến rừng hoang thành đồng ruộng, lập những cơ sở tôn giáo, gom tín đồ về sống quây quần cùng nhau để dần dần phát triển thành làng xóm.

Tiên phong trong khai khẩn Thất Sơn chính là tín đồ của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, điều đó phần nào chứng tỏ tầm nhìn của vị giáo chủ họ Đoàn về vùng “linh địa” này. Mặc khác, vào thời điểm bấy giờ có lẽ chỉ có sức mạnh tâm linh của tôn giáo và mô hình tổ chức đặc thù tôn giáo, mới đủ tạo cho người nông dân nội lực đương đầu với mọi khó khăn trong hành trình chinh phục vùng “đất dữ”. Đó là mô hình tổ chức cộng đồng kết hợp giữa đạo và đời mang tên: **Trại ruộng**.

3. Một mô hình hai tác dụng

3.1. Xây dựng đời sống vật chất

Bắt nguồn từ chủ trương của Phật Thầy Tây An là tu hành không phải suốt ngày chỉ gõ mõ tụng kinh mà còn phải lao động, kết hợp với thực tế tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương là cư sĩ tại gia, có gia đình và phải làm ăn để phục vụ đời sống. Từ đó, mô hình trại ruộng đã được tổ chức phù hợp để người tín đồ vừa có thể tu hành nhưng cũng không vì lợi ích bản thân mà quên đi cộng đồng xã hội. Dĩ nhiên tu hành là điều cốt yếu mà tôn giáo nào cũng xem trọng, nhưng đối với Bửu Sơn Kỳ Hương thì làm lụng không được tách rời khỏi tu hành. Trong các tác phẩm sám giảng còn truyền lại, ta thấy chủ trương của Phật Thầy vẫn là: “*Việc chẳng làm than thân rằng khó / Cửa ở đời ai có cho không*” [Giác mê]. Nói cách khác, Bửu Sơn Kỳ Hương không dung dưỡng cho sự biếng nhác trong lao động.

Ý thức được có an cư mới lạc nghiệp, như ông bà ta xưa nay luôn dạy thế. Sau khi tiến hành khai khẩn đất hoang, tín đồ tiếp tục bắt tay vào canh tác ruộng rẫy, với mong mỏi xây dựng cuộc sống mới ổn định, ấm no. Mặc khác, vùng Thất Sơn buổi đó xung quanh là rừng núi hoang sơ, được mô tả là nơi: “*Huê tươi trước*

mặt thơm tho nức / Thú dữ bên mình nhả nhón chơi” [Giác mê]. Nơi con người phải đối mặt với muôn vàn trắc trở như thế, nếu không tự canh tác thì ai sẽ chu cấp cho cuộc sống của mình? Họ sẽ không có gì ngoài hai bàn tay trắng.

Ở trại ruộng, những tín đồ sống quây quần cùng nhau, ban ngày cùng ra đồng cày cấy, ban đêm về lo tu hành. Đứng trước cả một vùng rừng rậm hoang vu, con người lại phải đối phó với khí hậu khắc nghiệt, thú dữ, bệnh tật..., vậy mà chỉ với công cụ thô sơ và quan trọng hơn hết là sức mạnh chính đôi tay mình, họ đã phần đầu không ngừng. Kết quả là sau một năm khai khẩn, năm 1852 hai ngôi làng chính thức hình thành với tên Xuân Sơn và Hưng Thới (năm 1890 sáp nhập thành Thới Sơn, nay thuộc huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang). Nguyễn Văn Hầu [2006:125] cho rằng: “*Người ta thấy nếp sống gần với thiên nhiên này rất thi vị và thoát tục, nên vui lòng theo đuổi mãi công việc*”. Quả vậy, nếp sống đó được họ thi vị hóa trở nên thoát tục như sấm giảng Giác mê viết: “*Khát thời uống nước Tào Khê / Đói ăn ma phạn(*) tối về canh tân*” [Giác mê].

Như Phật Thầy dạy, đã đến với thánh địa “Bửu Sơn” thì phải bền chí cả về đạo lẫn đời:

*“Sắt mài đã trọng thừa công
Bửu Sơn đã tới tay không dễ về
Dốc một lòng lên non đào giếng
Kẻo lời phàm đem tiếng thị phi”*

[Giác mê]

Lên non đào giếng phải chẳng mang hai hàm nghĩa, có liên quan đến công cuộc khai khẩn Thới Sơn của tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương? Một mặt, chi tiết tìm nguồn nước trên núi là sự ví von cho những khó khăn của người tu hành. Nhưng mặt khác nó cũng rất thực tế, bởi trại ruộng nằm trên vùng đất đồi núi, cao ráo nên khô cằn, thiếu nước, người dân phải đào giếng tìm nguồn nước. Minh chứng là hiện nay ở chùa Phước Điền (trên phần đất trại ruộng xưa) vẫn còn giếng nước của Phật Thầy Tây An.

3.2. Xây dựng đời sống tinh thần

Không chỉ kiến trí vùng đất mới, tu sĩ họ Đoàn còn chú ý đến việc xây dựng con người mới trên vùng đất đó. Việc lao động ở chốn hiểm trở như sự thử thách người tín đồ trong quá trình tu tập: đem lửa thử vàng. Bởi từ thực tiễn cuộc sống lạ lẫm ở nơi vừa khai phá, buộc người tín đồ phải chuẩn bị cho mình một tâm thế mới. “*Con đường đi vào Thới Sơn là con đường đầy hiểm trở thì chắc rằng những người không có tâm đạo không khi nào đi đến*” [Vương Kim và Đào Hưng, 1953:48].

* Ma phạn: cơm muối vùng. VT.

Trước hết, với tư cách là người nông dân đi khai phá, lối sống ở trại ruộng phải đề cao cộng đồng, tập thể. Để tồn tại và tu tập ở vùng đất lạ, họ phải đoàn kết giúp đỡ nhau: *“Dìu dắt nhau điểm tô công quả / Phải thật tình với cả chung quanh”* [Mười điều khuyên tu]. Nhưng với tư cách là tín đồ tôn giáo, họ còn phải buông bỏ tham sân si: *“Không ham những chuyện mênh mông / Vừa no, đủ ấm, đèo bồng mà chi”* [Mười điều khuyên tu]. Nếu Trần Nhân Tông từng dạy *“Sống trần vui đạo phải tùy duyên”* (nguyên văn *“Cư trần lạc đạo thả tùy duyên”* trong bài thơ *“Cư trần lạc đạo”*) thì tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương phải thế, giữa lao động và tu hành phải được kết hợp hài hòa trong tinh thần tiêu dao:

*“Khi rảnh việc đồng sâu chợ búa
Đem sấm kinh tự của thầy ban
Học cho thông thuộc đôi hàng
Ngâm nga trong lúc thanh nhàn bắn khoăn”.*

[Mười điều khuyên tu]

Không hề bắt ép nặng nề mà chỉ học thuộc đôi hàng, cũng chẳng thực hiện nghi lễ rườm rà cao siêu mà chỉ *“ngâm nga trong lúc thanh nhàn bắn khoăn”*, chẳng phải sống trần vui đạo hay sao? Theo Đặng Thế Đại [2008] *“họ coi chính sự sinh hoạt bình thường ấy là tu hành, lấy ngay đời sống bình thường làm đời sống tu hành, và vì vậy, mọi hành xử trong đời sống đều là tu, phải hành xử theo tinh thần của đạo Phật”*.

Quan niệm sống vô vi, thuận tự nhiên của triết học Lão - Trang bàng bạc trong tư tưởng Bửu Sơn Kỳ Hương. Đứng trước thiên nhiên khắc nghiệt, tín đồ không nản lòng mà vẫn có thể ung dung: *“Giày cỏ tới lui trời đất rộng / Áo sen xài xạt núi sông dài”* [Giác mê]. Được như thế, tâm hồn người tu hành phải thoát khỏi những tác động của ngoại cảnh: *“Một tấm lòng nhàn mây sắc trắng / Trăm đường tục lợi nước màu xanh”* [Giác mê]. Rõ chẳng phải thoát tục đó sao?

Tâm thế đó, ta còn nhiều lần bắt gặp trong các tác phẩm sấm giảng của Bửu Sơn Kỳ Hương. Nhưng đáng chú ý hơn cả là, nó thậm chí đã vượt ra khỏi kinh giảng và giáo lý một tôn giáo, nâng thành lối sống cộng đồng. Đình làng là thiết chế văn hóa cộng đồng mang đậm dấu ấn Nho giáo, vậy mà ở mặt tiền đình Thới Sơn lại có đôi liễn đối vượt thoát tư tưởng Khổng - Mạnh: *“Quân phi quân, thân phi thân, quân thân giai cộng lạc / Phụ phi phụ, tử phi tử, phụ tử thị đồng hoan”*.

Vấn đề rèn luyện con người trên vùng đất Thất Sơn vẫn còn được nhắc đến khá ầm ỹ sau thời kỳ khai phá, trong bộ tác phẩm *Kim cổ kỳ quan* của ông Nguyễn Văn Thới - một vị tu sĩ nổi danh thuộc thế hệ thứ ba của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương:

*“Bề nào hội thí Thất Sơn
Biết rằng quân tử tiểu nhơn vương tròn”*

Phải chăng ẩn ý rằng muốn “kiểm tra” đạo đức của người tín đồ thì phải đưa đến vùng khó khăn như Thất Sơn?



Đình Thới Sơn (trái) và chùa Thới Sơn. Ảnh Vĩnh Thông.

4. Kết quả và nhận định

Ông Vương Thông, cũng là tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương thuộc thế hệ thứ ba, có viết bài về Thất Sơn vào sau khi Thới Sơn đã được khai khẩn hơn nửa thế kỷ. Qua đó, có thể thấy công sức của tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương bỏ ra đã thu được những thành quả đáng kể, vùng đồi núi trở nên sung túc nhanh chóng dưới bàn tay của những người biết sống và tu tập theo giáo lý Phật Thầy:

*“Xuân Sơn, Hưng Thới, Nhơn Hòa
Ba làng thiên hạ người ta vầy vầy
Đua nhau cuốc đất trồng cây
Vải Phật cùng Thầy dạy ở làm ăn*

[...]

*Nam thanh nữ tú vui thay
Chợ thời buôn bán tối ngày không tan
Khai kinh, dọn lộ, đắp đàng
Thương hồ qua lại cả ngàn vô ra*

[...]

*Tóc xanh chỉ những bạc đầu
Bán buôn từ thiện giữ câu tu trì
Thuở xưa thầy cự có ghi
Ngày sau Bảy Núi vĩnh vi đời đời
Danh thơm có báu Kỳ Hương
Ở cho đạo đức bốn phương phục tùng*

*Tích hiền đừng có tích hung
Tích nơn, tích nghĩa, tích trung, tích lành”.*

[Dẫn lại từ Nguyễn Văn Hào và Dật Sĩ, 1955: 307]

Danh hiệu tôn giáo Bửu Sơn Kỳ Hương dù ra đời từ năm 1849, trước khi họ đến khai khẩn Thất Sơn năm 1851, nhưng theo nhiều nhà nghiên cứu thì nó có liên quan đến Thất Sơn. “Bửu Sơn” là núi báu, sẽ tỏa ra “Kỳ Hương” là mùi hương lạ. Núi báu tỏa mùi thơm phải chăng là quá trình lao động của tín đồ với đời sống thoát tục và cống hiến, trải qua bao gian khó đã đơm hoa kết trái trên vùng đất thiêng?

Rao giảng thuyết Tận thế, vùng Thất Sơn là thánh địa diễn ra hội Long Hoa, lập đời mới Thượng ngươn... đều là những tiền đề để trở thành động lực chấn hưng Phật giáo, một sự sáng tạo của Phật Thầy Tây An [Vĩnh Thông, 2012:67]. Gom dân về vùng xa xôi hẻo lánh, khai phá đất hoang để canh tác và sinh sống, là một kiểu dinh điền của thời đại mới, hết sức khéo léo. Chủ trương khuyến khích định cư và canh tác trên vùng đất khắc nghiệt, không chỉ làm thay đổi đời sống ở nơi đó, mà còn buộc người tín đồ rèn luyện sức khỏe, biết chịu đựng khó khăn, thích nghi để tồn tại, nhưng trên hết vẫn là rèn luyện tâm hồn, nuôi dưỡng đạo đức của người tu hành. Vậy thì đời mới Thượng ngươn ở đâu xa, nếu không phải là một đời sống thế tục sung túc và một đời sống tâm hồn an lạc?

Nhà cải cách tôn giáo Pháp Tạng thiên sư, hay Đức Phật Thầy Tây An giáo chủ đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, hay nhà dinh điền Đoàn Minh Huyền... dù nhìn với tư cách nào, chúng ta vẫn thấy ông là một con người có tầm vóc kỳ vĩ. Mô hình trại ruộng độc đáo của ông đã góp phần không nhỏ vào công cuộc phát triển vùng Bảy Núi, biến nó thành “hội Long Hoa tại thế”. Và quan trọng hơn, để xứng đáng sống “đời mới” Thượng ngươn cần phải có những con người mới, ông đã quan tâm xây dựng lớp người đó - những người biết “*tích nơn, tích nghĩa, tích trung, tích lành*”.

V T

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Thế Đại (2008), “Tính đặc sắc Nam Bộ và truyền thống văn hóa Việt Nam qua một dòng tôn giáo”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 58, tháng 4/2008.
2. Nguyễn Văn Hào (2006), *Nửa tháng trong miền Thất Sơn* (tái bản), Nxb Trẻ, TP HCM.
3. Nguyễn Văn Hào và Dật Sĩ (1955), *Thất Sơn mẫu nhiệm*, Nxb Liên Chính, Sài Gòn.
4. Vương Kim và Đào Hưng (1953), *Đức Phật Thầy Tây An*, Nxb Long Hoa, Sài Gòn.
5. Phật Thầy Tây An (tương truyền), *Mười điều khuyên tu*, tài liệu không xuất bản.
6. Vĩnh Thông (2012), “Tìm hiểu nguồn gốc danh xưng Bảy Núi”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 11 (113), tháng 12/2012.
7. Nguyễn Văn Thới, *Kim cổ kỳ quan*, tài liệu không xuất bản.

TÓM TẮT

Bửu Sơn Kỳ Hương là tôn giáo bản địa đầu tiên ở Nam Bộ, mang tinh thần nhập thế cao. Trong buổi đầu truyền đạo, Bửu Sơn Kỳ Hương đã đẩy mạnh việc khai khẩn vùng Thất Sơn (An Giang), là miền biên viễn phía tây nam đất nước. Bài viết này phân tích mô hình “Trại ruộng” của các tín đồ đạo Bửu Sơn Kỳ Hương trong buổi đầu khai phá vùng Thất Sơn vào nửa sau thế kỷ XIX. Mô hình này một mặt khuyến khích người dân định cư, khai phá vùng đất khắc nghiệt thành một nơi trù phú, mặt khác đó cũng là môi trường rèn luyện tâm hồn, nuôi dưỡng đạo đức của người tu hành, biết “tích nơn, tích nghĩa, tích trung, tích lành”.

ABSTRACT**AN OUTLOOK ON THẤT SƠN: ONE MODEL - TWO EFFECTS**

The religious belief of Bửu Sơn Kỳ Hương (Way of the Strange Fragrance from the Precious Mountain) in the South was the first indigenous religion which had the spirit of entering into life. In the beginning of this religion, the followers were encouraged to go and break fresh ground in the area of Thất Sơn range (An Giang), the southernmost part of the country. This article aims to analyze the model of “Trại ruộng” (Farm of paddy-fields) of Bửu Sơn Kỳ Hương’s followers during early days of cultivating the area of Thất Sơn in the second half of the 19th century. This model, on the one hand, encouraged people to settle down and cultivate the harsh land into a prosperous area; on the other hand, it was also the environment for the improvement of the soul and the nurture of morality, helping those who lead a religious life know how to accumulate of the monk, accent, accumulate “humanity, righteousness, loyalty and goodness”.